

# DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2020 - 2021

**Giáo viên chủ nhiệm: Đoàn Thúy Nga. Phòng học: 210.**

| Lớp  | MS | Họ                 | Tên    | Ngày tháng năm sinh |       |      | Giới tính | Lớp 11 cũ |
|------|----|--------------------|--------|---------------------|-------|------|-----------|-----------|
|      |    |                    |        | Ngày                | Tháng | Năm  |           |           |
| 12A4 | 1  | Nguyễn Vũ Thành    | An     | 26                  | 08    | 2003 | Nam       | 11A6      |
| 12A4 | 2  | Lương Tú           | Anh    | 28                  | 08    | 2003 | Nữ        | 11A1      |
| 12A4 | 3  | Nguyễn Đỗ Mai      | Anh    | 31                  | 07    | 2003 | Nữ        | 11A2      |
| 12A4 | 4  | Tạ Thị Minh        | Anh    | 12                  | 05    | 2003 | Nữ        | 11A2      |
| 12A4 | 5  | Lê Minh            | Bảo    | 11                  | 11    | 2003 | Nam       | 11A1      |
| 12A4 | 6  | Lê Thiện           | Chuân  | 20                  | 08    | 2003 | Nam       | 11A6      |
| 12A4 | 7  | Hứa Mỹ             | Cơ     | 05                  | 11    | 2003 | Nữ        | 11A2      |
| 12A4 | 8  | Nguyễn Chí         | Đức    | 15                  | 09    | 2003 | Nam       | 11A2      |
| 12A4 | 9  | Nguyễn Trần Anh    | Đức    | 23                  | 01    | 2003 | Nam       | 11A2      |
| 12A4 | 10 | Chang Nguyễn Việt  | Hàn    | 27                  | 01    | 2003 | Nam       | 11A2      |
| 12A4 | 11 | Dương Lê Khả       | Hân    | 24                  | 02    | 2003 | Nữ        | 11A1      |
| 12A4 | 12 | Trần Nhật          | Huy    | 17                  | 11    | 2003 | Nam       | 11A2      |
| 12A4 | 13 | Nguyễn Nhật Cúc    | Hương  | 30                  | 06    | 2003 | Nữ        | 11A1      |
| 12A4 | 14 | Phạm Quang         | Khải   | 05                  | 08    | 2003 | Nam       | 11A1      |
| 12A4 | 15 | Nguyễn Lê Anh      | Khoa   | 30                  | 05    | 2003 | Nam       | 11A3      |
| 12A4 | 16 | Đinh Hồng          | Kiên   | 22                  | 11    | 2003 | Nam       | 11A3      |
| 12A4 | 17 | Hứa Gia            | Linh   | 11                  | 06    | 2003 | Nữ        | 11A1      |
| 12A4 | 18 | Lâm Nhã            | Linh   | 20                  | 09    | 2003 | Nữ        | 11A1      |
| 12A4 | 19 | Hồ Quang           | Lợi    | 05                  | 06    | 2003 | Nam       | 11A2      |
| 12A4 | 20 | Lê Ngọc Trà        | My     | 17                  | 10    | 2003 | Nữ        | 11A2      |
| 12A4 | 21 | Nguyễn Hoàng Hải   | My     | 29                  | 10    | 2003 | Nữ        | 11A2      |
| 12A4 | 22 | Hà Thị Quỳnh       | Ngân   | 07                  | 01    | 2003 | Nữ        | 11A2      |
| 12A4 | 23 | Huỳnh Nguyễn Thanh | Ngân   | 05                  | 02    | 2003 | Nữ        | 11A1      |
| 12A4 | 24 | Lê Nguyễn Thanh    | Ngọc   | 08                  | 05    | 2003 | Nữ        | 11A2      |
| 12A4 | 25 | Lê Thảo            | Nhi    | 10                  | 03    | 2003 | Nữ        | 11A1      |
| 12A4 | 26 | Lương Thị Quỳnh    | Như    | 14                  | 01    | 2003 | Nữ        | 11A13     |
| 12A4 | 27 | Huỳnh Thiên        | Phú    | 01                  | 01    | 2003 | Nam       | 11A2      |
| 12A4 | 28 | Huỳnh Phạm Nguyên  | Phương | 08                  | 12    | 2003 | Nữ        | 11A1      |
| 12A4 | 29 | Nguyễn Ngọc Mai    | Phương | 22                  | 08    | 2003 | Nữ        | 11A4      |
| 12A4 | 30 | Lưu Chấn           | Quốc   | 17                  | 01    | 2003 | Nam       | 11A1      |
| 12A4 | 31 | Lâm Gia            | Thành  | 08                  | 09    | 2003 | Nam       | 11A2      |
| 12A4 | 32 | Trương Hữu Minh    | Thị    | 03                  | 02    | 2003 | Nam       | 11A2      |
| 12A4 | 33 | Nguyễn Thị Mộng    | Thu    | 24                  | 12    | 2003 | Nữ        | 11A2      |
| 12A4 | 34 | Nguyễn Lê Anh      | Thư    | 19                  | 09    | 2003 | Nữ        | 11A1      |
| 12A4 | 35 | Vũ Anh             | Thư    | 16                  | 02    | 2003 | Nữ        | 11A5      |
| 12A4 | 36 | Trần               | Tiến   | 29                  | 03    | 2003 | Nam       | 11A2      |
| 12A4 | 37 | Hoàng Lê           | Trang  | 19                  | 02    | 2003 | Nữ        | 11A2      |
| 12A4 | 38 | Nguyễn Trần Tuyết  | Trâm   | 26                  | 10    | 2003 | Nữ        | 11A1      |
| 12A4 | 39 | Đỗ Ngọc            | Trân   | 16                  | 01    | 2003 | Nữ        | 11A2      |
| 12A4 | 40 | Nguyễn Ngọc        | Trân   | 08                  | 05    | 2003 | Nữ        | 11A5      |
| 12A4 | 41 | Nguyễn Hữu         | Trí    | 23                  | 06    | 2003 | Nam       | 11A2      |
| 12A4 | 42 | Nguyễn Minh        | Triết  | 01                  | 12    | 2003 | Nam       | 11A2      |
| 12A4 | 43 | Phạm Nguyễn Đức    | Vinh   | 30                  | 10    | 2003 | Nam       | 11A2      |

- Học sinh xem danh sách và sơ đồ lớp.
- 6g40 sáng ngày 03/9/2020, học sinh có mặt tại phòng học của lớp để sinh hoạt đầu năm với thầy cô GVCN (dự kiến học sinh ra về lúc 9g).
- **Lưu ý:** khi đến trường phải đeo khẩu trang, chấp hành nghiêm các qui định về phòng chống dịch Covid-19. Học sinh có triệu chứng cảm, sốt không đến trường tập trung.